

Tân Phú Đông, ngày 03 tháng 01 năm 2020

Số: 03/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 160/2019/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019, giữa:

- *Nguyễn □σn*: Anh Trần Hoàng L, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp Tân X, xã Tân Ph, huyện A tỉnh B

- *Bị □σn*: Chị Lê Thị Mỹ L1, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp Tân X, xã Tân Ph, huyện A, tỉnh B

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Hoàng L và chị Lê Thị Mỹ L1

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về con chung*: anh Trần Hoàng L và chị Lê Thị Mỹ L1 thỏa thuận như sau:

- Giao cháu Trần Đức L2, sinh ngày 24/12/2008 cho anh Trần Hoàng L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Giao cháu Trần Quốc T, sinh ngày 27/5/2011 cho chị Lê Thị Mỹ L1 trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị L1 được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L2. Anh L và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị L1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương.

Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T. Chị L1 và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T.

* *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh Trần Hoàng L và chị Lê Thị Mỹ L1 chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản chung*: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Nợ chung*: Không có.

* *Về án phí*:

Anh Trần Hoàng L tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo bản lai thu số 49246 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, hoàn lại anh L 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Chị Lê Thị Mỹ L1 không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã Tân Phú, h. A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Ngọc H

